NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

THANG MỨC ĐỘ BIỂU ĐẠT TÌNH THÁI ĐẠO NGHĨA "BẮT BUỘC" TRONG BẢN TIN QUÂN SỰ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

DƯƠNG HUY HIỆP*

TÓM TẮT: Bài viết hướng đến đối chiếu thang mức độ biểu đạt của các phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt trên cơ sở khung lí thuyết của Lyons (1977), Palmer (1986), Halliday (1994), Eggins (1994) và một số nghiên cứu liên quan. Nguồn ngữ liệu gồm 225 bản tin quân sự tiếng Anh và 225 bản tin quân sự tiếng Việt được thu thập từ các trang thông tin điện tử chính thống của quân đội Anh, Mĩ, Úc và Quân đội nhân dân Việt Nam trong giai đoạn 2020-2024. Nghiên cứu sử dụng phương pháp miêu tả, phương pháp đối chiếu và thủ pháp thống kê định lượng với sự hỗ trợ của phần mềm AntConc và Microsoft Excel. Kết quả cho thấy các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong cả hai ngôn ngữ đều được tổ chức theo ba mức độ: cao, trung bình và thấp. Tuy nhiên, bản tin quân sự tiếng Anh có xu hướng ưu tiên các phương tiện ở mức độ trung bình nhằm tăng tính khách quan và giảm sắc thái áp đặt, trong khi bản tin quân sự tiếng Việt chủ yếu sử dụng các phương tiện ở mức độ cao để nhấn mạnh tính mệnh lệnh, kỉ luật và yêu cầu chấp hành. Những phát hiện này góp phần làm rõ đặc điểm biểu đạt nghĩa vụ trong diễn ngôn quân sự, đồng thời cung cấp cơ sở tham khảo cho hoạt động dịch thuật và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành quân sự.

TỪ KHÓA: Bản tin quân sự; bắt buộc; mức độ biểu đạt; tình thái đạo nghĩa; đối chiếu Anh-Việt.
NHẬN BÀI : 13/06/2026. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 02/11/2026

1. Đặt vấn đề

Trong ngôn ngữ học hiện đại, tình thái (modality) được xem là một phạm trù trung tâm, phản ánh mối quan hệ giữa người nói với nội dung mệnh đề, đồng thời thể hiện cách thức người nói đánh giá, định hướng và tác động đến hiện thực thông qua ngôn ngữ. Trải qua các hướng tiếp cận khác nhau, từ logic học cổ điển đến ngữ pháp học, từ ngữ nghĩa học hình thức đến hướng tiếp cận chức năng luận, tình thái đã được nhận diện như một hệ thống đa chiều và phức hợp. Trong đó, sự phân chia giữa tình thái nhận thức và tình thái đạo nghĩa được xem là cơ bản và phổ biến (Lyons, 1977; Palmer, 1986). Nếu tình thái nhận thức phản ánh mức độ xác tín của người nói đối với tính chân thực của mệnh đề, thì tình thái đạo nghĩa lại gắn với các chuẩn mực xã hội, pháp lí và đạo đức, qua đó biểu thị nghĩa vụ, quyền hạn hoặc sự cho phép đối với hành động được đề cập.

Trong phạm vi tình thái đạo nghĩa, tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" là một loại điển hình, biểu đạt mức độ ràng buộc đối với hành động. Theo các nhà nghiên cứu, tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" thể hiện yêu cầu của người nói đối với người nghe phải thực hiện một hành động nhất định, hoặc phản ánh sức ép từ các quy tắc và chuẩn mực xã hội buộc chủ thể phải hành động theo một định hướng xác định (Lyons, 1977; Palmer, 1986). Đáng chú ý, nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy "bắt buộc" không phải là một giá trị đơn nhất, mà được triển khai trên một phổ liên tục về mức độ, từ "bắt buộc cao", "bắt buộc trung bình" đến "bắt buộc thấp", tương ứng với các mức độ ràng buộc nghĩa vụ khác nhau (Halliday, 1994; Eggins, 1994; Suhadi, 2011).

Trong diễn ngôn quân sự, tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" giữ vị trí đặc biệt quan trọng do đặc trưng của lĩnh vực này gắn liền với tính kỉ luật, tính mệnh lệnh và cơ chế chỉ huy - phục tùng chặt chẽ. Với tư cách là một loại hình diễn ngôn mang tính thể chế cao, bản tin quân sự không chỉ thực hiện chức năng truyền tải thông tin mà còn góp phần định hướng hành động, xác lập trách nhiệm và bảo đảm sự tuân

**Trường Sĩ quan Lục quân 1; Email: kinzdaddy@gmail.com*

thủ đối với các quy định và nhiệm vụ quân sự. Chính vì vậy, các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" xuất hiện với tần suất đáng kể và được sử dụng đa dạng nhằm thể hiện các mức độ nghĩa vụ, yêu cầu và trách nhiệm khác nhau của chủ thể tham gia giao tiếp.

Trên cơ sở đó, bài viết khảo sát, đối chiếu các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt theo những mức độ biểu đạt khác nhau (cao, trung bình và thấp), qua đó góp phần làm sáng tỏ đặc trưng ngôn ngữ và đặc điểm diễn ngôn của tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự ở hai ngôn ngữ.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lí thuyết về tình thái đạo nghĩa và mức độ biểu đạt của các phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc"

2.1. Tình thái đạo nghĩa

Tình thái (modality) là một phạm trù ngữ nghĩa - ngữ dụng phản ánh thái độ, đánh giá và sự cam kết của người nói đối với nội dung được biểu đạt trong phát ngôn. Trong ngôn ngữ học hiện đại, tình thái được xem là phương tiện giúp người nói thể hiện cách nhìn nhận đối với sự việc, đồng thời định hướng sự tiếp nhận và phản ứng của người nghe. Chính vì vậy, tình thái không chỉ liên quan đến nội dung mệnh đề mà còn phản ánh mối quan hệ giữa người nói, người nghe và hoàn cảnh giao tiếp.

Trong số các tiểu loại của tình thái thì tình thái đạo nghĩa (deontic modality) đóng vai trò quan trọng vì gắn trực tiếp với các khái niệm về nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn và sự cho phép. Thuật ngữ "deontic" bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp "deon", nghĩa là "bổn phận" hoặc "nghĩa vụ". Nền tảng lí luận của nghiên cứu tình thái đạo nghĩa được đặt ra từ công trình của Wright, khi ông phân biệt ba phạm trù cơ bản gồm: bắt buộc (obligatory), được phép (permitted) và bị cấm (forbidden) (1951, tr.2). Trên cơ sở đó, Lyons đưa khái niệm tình thái đạo nghĩa vào nghiên cứu ngôn ngữ học và cho rằng nó liên quan đến "tính tất yếu hay tính có thể của hành vi được thực hiện bởi một chủ thể có trách nhiệm đạo đức" (1977, tr.823). Tiếp tục phát triển hướng tiếp cận này, Palmer nhấn mạnh rằng tình thái đạo nghĩa gắn với các chuẩn mực và quyền lực xã hội, khi nó "bắt nguồn từ một dạng quyền lực hay thẩm quyền bên ngoài, chẳng hạn như quy tắc hoặc luật lệ" (1986, tr.10).

Về nghiên cứu xác định các phương tiện biểu đạt tình thái, Palmer nhấn mạnh vai trò trung tâm của động từ tình thái và xem chúng là phương tiện chủ yếu của tình thái (1979, tr.2), trong khi Halliday bổ sung thêm trạng từ tình thái và các cấu trúc mệnh đề. Theo hướng loại hình học, Haan phân loại các phương tiện tình thái thành các nhóm như trợ động từ, thức, phụ tố và phương tiện từ vựng (2006, tr.11-24), còn Suhadi mở rộng thành nhiều dạng cấu trúc khác nhau: từ động từ, trạng từ đến mệnh đề điều kiện (2011, tr.158-160). Trong ngôn ngữ học Việt Nam, các nghiên cứu cũng cho thấy hệ thống phương tiện tình thái phong phú, bao gồm các yếu tố từ vựng (động từ tình thái, từ tình thái), cấu trúc cú pháp và yếu tố ngữ dụng. Các học giả như Cao Xuân Hạo (2004) và Nguyễn Văn Hiệp (2023) đều nhấn mạnh sự kết hợp giữa từ vựng, ngữ pháp và ngữ cảnh trong việc biểu đạt tình thái.

Về phân loại, theo các nghiên cứu của Lyons (1977), Palmer (1986), Kratzer (1991), Bybee và cộng sự (1994), tình thái đạo nghĩa có thể được chia thành hai nhóm cơ bản: tình thái đạo nghĩa tất yếu và tình thái đạo nghĩa khả năng. Trong đó, tình thái đạo nghĩa tất yếu bao gồm các ý nghĩa "bắt buộc" và "cấm đoán", còn tình thái đạo nghĩa khả năng bao gồm các ý nghĩa "được phép" và "được miễn trừ". Palmer cho rằng "bắt buộc" thể hiện cam kết của người nói về cái cần thiết được diễn đạt trong mệnh đề (1986, tr.181). "Cấm đoán", theo quan điểm của Bybee và cộng sự là "sự ngăn cản của người nói đối với người nghe, qua đó người nói cấm người nghe thực hiện hành động hoặc ứng xử theo cách nào đó" (1994, tr.119). Cũng theo Bybee và cộng sự, "được phép" biểu thị "sự đồng ý cho phép người nghe thực hiện hành động hay ứng xử theo cách nào đó". Còn "được miễn trừ" thể hiện sự cho phép không phải thực hiện hoặc chấp hành quy định nào đó (1994, tr.178).

2.2. Tình thái đạo nghĩa "bắt buộc"

Trong hệ thống tình thái đạo nghĩa, "bắt buộc" (obligation) được xem là phạm trù trung tâm vì phản ánh rõ nhất mối quan hệ giữa chủ thể hành động với các chuẩn mực, quy tắc hoặc yêu cầu điều chỉnh hành vi. Nếu các ý nghĩa như "được phép" hay "được miễn trừ" nhấn mạnh quyền lựa chọn của chủ thể, thì tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" lại hướng tới việc xác lập nghĩa vụ phải thực hiện một hành động

nhất định. Nói cách khác, đây là kiểu tình thái biểu thị sự cần thiết của hành động dưới tác động của một nguồn quyền lực hoặc chuẩn mực nào đó.

Theo Wright (1951), "bắt buộc" là một trong ba phạm trù cơ bản của tình thái đạo nghĩa, bên cạnh "được phép" và "bị cấm" (1951, tr.2). Trong cách tiếp cận của Lyons, ý nghĩa "bắt buộc" thuộc phạm vi của tính tất yếu đạo nghĩa (deontic necessity), tức những hành động được xem là cần phải thực hiện bởi một chủ thể có trách nhiệm đạo đức (1977, tr.823). Quan niệm này nhấn mạnh rằng nghĩa "bắt buộc" không xuất phát từ bản thân hành động mà từ mối quan hệ giữa hành động với các chuẩn mực xã hội, đạo đức hoặc thể chế điều chỉnh hành động đó. Từ góc độ ngữ nghĩa và ngữ dụng, Palmer (1986) cho rằng nghĩa vụ bắt buộc luôn gắn với một nguồn quyền lực hoặc thẩm quyền nhất định. Nguồn quyền lực này có thể là pháp luật, quy tắc, quy định, mệnh lệnh, trách nhiệm nghề nghiệp hoặc chính chủ thể phát ngôn (1986, tr.10). Vì vậy, bản chất của tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" không nằm ở việc mô tả một hành động, mà ở việc xác lập trách nhiệm phải thực hiện hành động đó. Thông qua các phương tiện ngôn ngữ, người phát ngôn đặt ra, truyền đạt hoặc tái hiện một nghĩa vụ mà chủ thể được đề cập cần phải tuân thủ.

Tuy nhiên, nghĩa vụ không phải lúc nào cũng được biểu đạt với cùng một cường độ. Trong thực tế giao tiếp, có những trường hợp nghĩa vụ được thể hiện dưới dạng mệnh lệnh hoặc yêu cầu mang tính cưỡng chế cao; nhưng cũng có những trường hợp được biểu đạt dưới dạng chỉ đạo, định hướng, cam kết hoặc khuyến nghị. Do đó, ý nghĩa "bắt buộc" không phải là một phạm trù đồng nhất mà được tổ chức theo các mức độ ràng buộc khác nhau. Đây chính là cơ sở cho việc phân tích thang độ biểu đạt của các phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc".

2.3. Mức độ biểu đạt của các phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc"

Một hướng nghiên cứu quan trọng khác của tình thái là khảo sát mức độ biểu đạt. Halliday và Eggins cho rằng tình thái được tổ chức trên một phổ liên tục gồm ba mức độ cơ bản: cao, trung bình và thấp (1995, tr.358); (1994, tr.173). Sự phân chia này phản ánh mức độ cam kết, đánh giá hoặc ràng buộc mà chủ thể phát ngôn đặt ra đối với nội dung được biểu đạt. Theo đó, mức độ cao biểu thị sự chắc chắn hoặc tính ràng buộc mạnh; mức độ trung bình biểu thị khả năng, khuyến nghị hoặc định hướng hành động; trong khi mức độ thấp phản ánh tính linh hoạt hoặc mức độ ràng buộc yếu hơn.

Theo Halliday, mức độ này phản ánh mức độ cam kết của người nói đối với thông điệp, bao gồm mức độ chắc chắn (degree of certainty), tần suất (frequency), tính bắt buộc (obligation) và xu hướng hành động (tendency to act).

Trong đó, giá trị hay "mức độ cao" là hành động gần nhất với cực dương và có nhiều khả năng xảy ra nhất, biểu đạt sự chắc chắn (certain) của hành động sẽ được thực hiện trong tương lai;

"Mức độ trung bình" là hành động xảy ra giữa mức cao và mức thấp hoặc ở giữa của cực, biểu đạt sự có thể (probable) của hành động sẽ được thực hiện. Điều này có nghĩa là hành động có nhiều khả năng sẽ được thực hiện trong tương lai.

"Mức độ thấp" là hành động gần như ở cực không (cực âm), biểu đạt sự có thể thực hiện (possible) hoặc không thực hiện của hành động. Nghĩa là hành động ít có khả năng được thực hiện trong tương lai (Halliday, 1994, tr.167).

Kế thừa quan điểm của Halliday và Eggins, Suhadi (2011) đã cụ thể hóa thang độ tình thái đạo nghĩa thành ba cấp độ tương ứng: "cần thiết" (necessity) (tương đương mức độ cao), "khuyên bảo" (advisability) (tương đương mức độ trung bình) và "được phép" (permission) (tương đương mức độ thấp) (2011, tr.173). Cách phân chia này nhấn mạnh rằng tình thái đạo nghĩa không phải là một phạm trù đồng nhất mà bao gồm nhiều mức độ khác nhau về cường độ nghĩa vụ và mức độ can thiệp của chủ thể phát ngôn đối với hành động của đối tượng tiếp nhận.

Bảng 1 dưới đây tóm tắt hệ thống phân loại mức độ biểu đạt tình thái của Halliday (1994), làm cơ sở lí thuyết cho việc phân tích và xác định các thang độ biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong nghiên cứu này.

Bảng 1. *Phân loại mức độ biểu đạt tình thái của Halliday (1994)*

Mức độ biểu đạt tình thái	Mức độ chắc chắn	Tần suất	Tính bắt buộc	Xu hướng hành động
Cao	Chắc chắn	Luôn luôn	Yêu cầu	Quyết tâm
Trung bình	Có thể	Thường	Đề nghị	Thích
Thấp	Ít có khả năng	Thỉnh thoảng	Được phép	Sẵn lòng

Kế thừa quan điểm của Halliday (1994), Eggins (1994) và Suhadi (2011) về tính phân tầng của tình thái, nghiên cứu này xem tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" không phải là một phạm trù đồng nhất mà được tổ chức theo các mức độ khác nhau về cường độ nghĩa vụ. Theo đó, các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa không chỉ khác nhau về nội dung ngữ nghĩa mà còn khác nhau về mức độ ràng buộc đối với hành động được đề cập trong phát ngôn.

Để xác định thang mức độ biểu đạt của các phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc", nghiên cứu đề xuất ba tiêu chí phân loại gồm: (1) tiêu chí về nghĩa học, (2) tiêu chí về dụng học và (3) tiêu chí về ngữ cảnh thể chế. Ba tiêu chí này cho phép đánh giá đồng thời nội dung nghĩa vụ được biểu đạt, mức độ can thiệp của chủ thể phát ngôn và mức độ ràng buộc của hành động trong môi trường giao tiếp cụ thể (xem Bảng 2).

Trong đó, tiêu chí về nghĩa học phản ánh mức độ nghĩa vụ mà phương tiện tình thái biểu đạt, từ nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện đến mong muốn hoặc đề xuất thực hiện hành động. Đây là tiêu chí trung tâm để xác định cường độ của ý nghĩa "bắt buộc".

Tiêu chí về dụng học phản ánh mức độ can thiệp của chủ thể phát ngôn đối với hành động của đối tượng tiếp nhận, từ áp đặt trực tiếp, định hướng thực hiện đến khuyến khích hoặc gợi ý hành động.

Còn tiêu chí về ngữ cảnh thể chế phản ánh mức độ ràng buộc của hành động trong môi trường giao tiếp cụ thể. Trong diễn ngôn quân sự, giá trị tình thái của một phương tiện không chỉ phụ thuộc vào nghĩa từ vựng mà còn chịu sự chi phối của quan hệ cấp bậc, chức năng chỉ huy và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Trên cơ sở ba tiêu chí này, các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" được phân thành ba mức độ: cao, trung bình và thấp. Mức độ cao biểu thị nghĩa vụ mang tính bắt buộc và áp đặt trực tiếp; mức độ trung bình biểu thị nghĩa vụ dưới dạng chỉ đạo, định hướng, cam kết hoặc khuyến nghị; trong khi mức độ thấp chủ yếu biểu thị mong muốn, đề xuất hoặc định hướng hành động với mức độ ràng buộc hạn chế.

Bảng 2. *Tiêu chí phân loại thang mức độ biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc"*

Mức độ	Tiêu chí về nghĩa học	Tiêu chí về dụng học	Tiêu chí về ngữ cảnh thể chế
Cao	Nghĩa vụ bắt buộc, không có hoặc rất ít khả năng lựa chọn	Chủ thể phát ngôn áp đặt trực tiếp hành động	Hành động gắn với mệnh lệnh, hoặc yêu cầu phải chấp hành
Trung bình	Nghĩa vụ dưới dạng định hướng, cam kết, khuyến nghị	Chủ thể phát ngôn điều tiết hoặc dẫn dắt hành động	Hành động được định hướng thực hiện nhưng vẫn ở mức độ linh hoạt
Thấp	Mong muốn, đề xuất, kiến nghị	Không hoặc rất ít tạo áp lực thực hiện hành động	Hành động mang tính khuyến khích, không gắn với bắt buộc rõ ràng

3. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu nghiên cứu

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng kết hợp phương pháp phân tích định tính và định lượng trong phân tích diễn ngôn với phương pháp đối chiếu và thủ pháp thống kê mô tả nhằm làm rõ thang mức độ biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt. Phân tích định tính được sử dụng để nhận diện giá trị tình thái, xác định mức độ ràng buộc và chức năng dụng học của các phương tiện biểu đạt trong mối quan hệ với chủ thể phát ngôn, đối tượng tiếp nhận, quan hệ quyền lực và ngữ cảnh sử dụng. Trên cơ sở đó, phân tích định lượng xác định tần suất xuất hiện và tỉ lệ phân bố của các phương tiện theo từng mức độ tình thái, qua đó nhận diện xu hướng sử dụng trong mỗi ngôn ngữ. Phương pháp đối chiếu một chiều, lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ cơ sở và tiếng Việt làm ngôn ngữ đối chiếu, được vận dụng để xác định những tương đồng và khác biệt về hình thức, giá trị biểu đạt và sự phân bố các mức độ tình

thái. Đồng thời, phần mềm AntConc được sử dụng để truy xuất ngữ cảnh và thống kê tần suất; Microsoft Excel hỗ trợ tổng hợp, xử lí số liệu và xây dựng bảng biểu phục vụ phân tích, đối chiếu.

Quy trình thu thập và xử lí dữ liệu được thực hiện theo hướng kết hợp phân tích định tính và định lượng trong phân tích diễn ngôn, tập trung vào các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt. Đơn vị phân tích là các câu chứa phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc", trong đó mỗi phương tiện được xem xét trong ngữ cảnh cụ thể để xác định giá trị ngữ nghĩa - ngữ dụng và mức độ tình thái. Trước hết, các từ khóa và cấu trúc có khả năng biểu đạt nghĩa bắt buộc được truy xuất bằng phần mềm AntConc, sau đó kiểm tra thủ công nhằm loại bỏ những trường hợp không mang giá trị tình thái đạo nghĩa. Các trường hợp phù hợp được mã hóa theo hệ thống tiêu chí thống nhất, bao gồm loại phương tiện biểu đạt, mức độ tình thái (cao, trung bình, thấp). Đối với những trường hợp đa nghĩa hoặc khó phân loại, việc xác định mức độ tình thái được thực hiện trên cơ sở xem xét ngữ cảnh diễn ngôn và đối chiếu với khung lí thuyết đã xác lập. Kết quả mã hóa được tổng hợp, thống kê và đối chiếu nhằm làm rõ sự phân bố các mức độ biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong hai ngôn ngữ.

Về ngữ liệu, nghiên cứu tiến hành khảo sát 225 bản tin quân sự tiếng Anh và 225 bản tin quân sự tiếng Việt trong thời gian từ năm 2020 đến năm 2024. Nguồn ngữ liệu của bài viết được thu thập các trang thông tin điện tử chính thống của quân đội Anh, Mĩ, Úc, và Quân đội nhân dân Việt Nam, cụ thể như sau:

Đối với tiếng Anh: (1) Bản tin quân sự, quốc phòng Quân đội Anh (mục "News and Events" trong trang web: *https://www.army.mod.uk*), (2) Bản tin quân sự, quốc phòng Quân đội Mĩ (mục "News" trong trang web: *https://www.army.mil*), và (3) Bản tin quân sự, quốc phòng Quân đội Úc (mục "News and Events" trong trang web: *https://www.defence.gov.au*).

Đối với tiếng Việt: (1) Bản tin quân sự, quốc phòng của Báo Quân đội nhân dân (trong trang web: *https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/tin-tuc*) và (2) Bản tin quân sự, quốc phòng của Tạp chí Quốc phòng toàn dân (trong trang web: *https://tapchiqptd.vn/vi/tin-tuc-thoi-su-6.html*). Đây là hai cơ quan báo chí và lí luận chính trị, quân sự của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Những điểm tương đồng về thang mức độ biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt

Trước hết, kết quả khảo sát cho thấy các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt đều được phân bố trên ba mức độ cơ bản: bắt buộc cao, bắt buộc trung bình và bắt buộc thấp. Sự hiện diện của đầy đủ ba mức độ trong cả hai ngôn ngữ cho thấy bản tin quân sự không chỉ sử dụng các phương tiện mang tính mệnh lệnh trực tiếp mà còn khai thác những cách biểu đạt mềm dẻo hơn nhằm thực hiện các chức năng giao tiếp khác nhau (xem Bảng 3).

Bên cạnh sự tương đồng về cấu trúc thang độ, hai ngôn ngữ còn cho thấy sự tương đồng trong mối quan hệ giữa mức độ biểu đạt và chức năng diễn ngôn của các phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc", cụ thể như sau:

Thứ nhất, các phương tiện thuộc mức độ cao thường xuất hiện trong những ngữ cảnh biểu thị mệnh lệnh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hoặc các quy định mang tính bắt buộc.

VD1: Federal law requires the military to provide honors at the funerals of any former members of the U.S. military who were not dishonorably discharged.

(Luật liên bang yêu cầu quân đội phải tổ chức lễ vinh danh tại tang lễ của bất kì cựu quân nhân nào của quân đội Hoa Kỳ, miễn là họ không bị xuất ngũ vì lí do vi phạm danh dự.).

VD2: Tập trung nâng cao chất lượng huấn luyện theo phương châm "Cơ bản, thiết thực, vững chắc", sát thực tế, đối tượng, phù hợp với từng đơn vị, địa bàn.

Trong cả hai ví dụ, nghĩa vụ biểu đạt mức độ cao được thể hiện thông qua những phương tiện ngôn ngữ mang tính bắt buộc rõ rệt. Ở ví dụ 1, động từ "require" cho thấy hành động tổ chức lễ vinh danh được đặt ra như một yêu cầu có hiệu lực pháp lí và bắt buộc phải thực hiện. Tương tự, ở ví dụ 2, cụm động từ "tập trung nâng cao" được sử dụng để đặt ra yêu cầu đối với các đơn vị phải nâng cao chất lượng huấn luyện theo những tiêu chí đã xác định, qua đó thể hiện tính bắt buộc và mức độ ràng buộc cao trong việc thực hiện nhiệm vụ. Trong cả hai trường hợp trên, chủ thể thực hiện hành động hầu như không có sự lựa chọn, cho

thấy nghĩa vụ được biểu đạt với mức độ ràng buộc cao và gắn với việc thực hiện nhiệm vụ theo các quy định hoặc yêu cầu của tổ chức quân sự.

Thứ hai, các phương tiện thuộc mức độ trung bình chủ yếu được sử dụng để nhấn mạnh trách nhiệm, định hướng hành động hoặc cam kết thực hiện nhiệm vụ. Xét các ví dụ sau:

VD3: The secretary also directed the suspension of Maj. Gen. Jeffrey Broadwater and Command Sgt. Maj. Thomas C. Kenny - 1st Cavalry Division commanding general and command sergeant major.

(Bộ trưởng cũng đã chỉ đạo đình chỉ công tác Thiếu tướng Jeffrey Broadwater - Tư lệnh Sư đoàn và Thượng sĩ Thomas C. Kenny - Thượng sĩ chỉ huy của Sư đoàn Kỵ binh số 1.)

VD4: Về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024, Chủ tịch nước đề nghị Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và các cơ quan đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

Ở ví dụ 3, động từ "directed" thể hiện việc cấp có thẩm quyền đưa ra chỉ đạo đối với một hành động cụ thể, tạo ra trách nhiệm thực hiện nhưng không mang sắc thái mệnh lệnh trực tiếp như "order". Động từ "đề nghị" ở ví dụ 4 cũng được sử dụng để định hướng và thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ, qua đó thể hiện yêu cầu có tính trách nhiệm đối với các chủ thể được nhắc đến. Mặc dù khác nhau về hình thức ngôn ngữ, cả "directed" và "đề nghị" đều biểu thị nghĩa vụ dưới dạng chỉ đạo hoặc định hướng thực hiện hành động, phản ánh đặc trưng của mức độ "bắt buộc" trung bình trong diễn ngôn quân sự.

Trong khi đó, các phương tiện thuộc mức độ thấp thường xuất hiện trong các phát ngôn biểu thị mong muốn, đề xuất hoặc kì vọng đối với việc thực hiện hành động trong tương lai.

VD5: "I would like to sail my own ship eventually - hopefully one of the Hunter class frigates," Midshipman Burns said.

(Học viên sĩ quan Burns cho biết: "Tôi mong muốn một ngày nào đó được chỉ huy chính con tàu của mình - hy vọng đó sẽ là một trong những tàu khu trục lớp Hunter.")

VD6: Trung tá Lê Ngọc Sơn, Tổ trưởng Tổ Công tác tại CH Nam Sudan và Trung tá Hoàng Trung Kiên, Tổ trưởng Tổ công tác tại CH Trung Phi đã kiến nghị, trên cơ sở tình hình dịch bệnh tại địa bàn để trong nước xem xét lùi thời hạn cử cán bộ sang địa bàn trong thời gian tới.

Khác với các phương tiện thuộc mức độ "bắt buộc" cao và trung bình, hai phương tiện trong ví dụ 5 và 6 đều không trực tiếp thiết lập nghĩa vụ đối với chủ thể thực hiện hành động. Động từ "would like" trong ví dụ 5 chỉ thể hiện nguyện vọng cá nhân của người nói về một mục tiêu trong tương lai, còn "kiến nghị" trong ví dụ 6 phản ánh việc đề xuất một phương án để cơ quan có thẩm quyền xem xét. Trong cả hai trường hợp, việc thực hiện hành động vẫn phụ thuộc vào ý chí hoặc quyết định của chủ thể liên quan, do đó mức độ ràng buộc được tạo ra là rất hạn chế.

Như vậy, mặc dù tiếng Anh và tiếng Việt thuộc hai loại hình ngôn ngữ khác nhau, tuy nhiên hệ thống phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự của hai ngôn ngữ vẫn có sự tương đồng đáng kể về cách tổ chức và chức năng sử dụng. Cụ thể, các phương tiện này đều được phân tầng theo các mức độ nghĩa vụ khác nhau và có xu hướng gắn với những chức năng giao tiếp tương ứng. Điều đó cho thấy sự khác biệt chủ yếu nằm ở hình thức biểu đạt và tần suất sử dụng các phương tiện cụ thể, trong khi nguyên tắc tổ chức thang độ nghĩa vụ và chức năng định hướng hành động của diễn ngôn quân sự nhìn chung được duy trì tương đối nhất quán ở cả hai ngôn ngữ.

Bảng 3. *Thang mức độ biểu đạt của các phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt*

Mức độ bắt buộc	Bản tin quân sự tiếng Anh				Bản tin quân sự tiếng Việt			
	Phương tiện	Nội dung thông điệp	Tần suất	Tỉ lệ (%)	Phương tiện	Nội dung thông điệp	Tần suất	Tỉ lệ (%)
Cao	Câu mệnh lệnh	Mệnh lệnh trực tiếp, bắt buộc tuyệt đối, hành động chắc chắn xảy ra	14/317	317/1.045 = 30,3%	Câu mệnh lệnh	Mệnh lệnh trực tiếp, bắt buộc tuyệt đối, hành động chắc chắn xảy ra	303/905	905/1406 = 64,4%

Mức độ bắt buộc	Bản tin quân sự tiếng Anh				Bản tin quân sự tiếng Việt			
	Phương tiện	**Nội dung thông điệp**	**Tần suất**	**Tỉ lệ (%)**	**Phương tiện**	**Nội dung thông điệp**	**Tần suất**	**Tỉ lệ (%)**
	Order	Mệnh lệnh trực tiếp, áp đặt, hành động chắc chắn xảy ra	1/317		-	-	-	
	Have to	Nghĩa vụ bắt buộc mang tính khách quan, thường do hoàn cảnh, quy định hoặc điều kiện bên ngoài áp đặt	46/317		Phải	Ở trong điều kiện bắt buộc không thể không làm, nhất thiết không thể khác hoặc nhất thiết cần có	145/905	
	Must	Bắt buộc mang tính chủ quan, thể hiện đánh giá của chủ thể	39/317					
	Obligation	Nghĩa vụ mang tính pháp lí, đạo đức, thể chế	1/317		Bắt buộc	Nghĩa vụ mang tính pháp lí, đạo đức, thể chế buộc phải làm theo	7/905	
	Compulsory	Bắt buộc tuyệt đối theo quy tắc/luật	1/317					
	Request	Yêu cầu điều gì đó hoặc đề nghị ai đó làm việc gì một cách trang trọng, gián tiếp	4/317		Yêu cầu	Nêu ra điều gì với người nào đó, tỏ ý muốn người đó làm, biết rằng đó là việc thuộc trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của người ấy	178/905	
	Require	Bắt buộc làm gì vì là cần thiết theo một tiêu chuẩn/quy trình	41/317					
	Demand	Yêu cầu mạnh mẽ hoặc khẩn thiết về điều gì đó	8/317					
	Ask	Yêu cầu mềm, mong muốn ai đó làm gì hoặc mong một việc nào đó xảy ra	8/317		Đòi hỏi	Tỏ ra muốn cái gì đó cho mình hoặc muốn điều gì đó ở người khác, cho rằng phải như thế mới được hoặc mới đúng	19/905	
	Necessary	Bắt buộc mang tính tất yếu, không tránh khỏi	14/317		Cần thiết	Cần đến mức không thể không làm hoặc không có	28/905	
	Need	Hành động là thật sự cần thiết hay rất quan trọng	125/317		Cần	Không thể không làm, không thể không có vì nếu không làm, không có thì sẽ có hại	160/905	
	-	-	-		Quán triệt	Hiểu thấu đáo và thực hiện đầy đủ trong hoạt	65/905	

Mức độ bắt buộc	Bản tin quân sự tiếng Anh				Bản tin quân sự tiếng Việt			
	Phương tiện	Nội dung thông điệp	Tần suất	Tỉ lệ (%)	Phương tiện	Nội dung thông điệp	Tần suất	Tỉ lệ (%)
						động		
	Be going to	Hành động gần như chắc chắn sẽ xảy ra	15/317		-	-	-	
Trung bình	Direct	Hành động kiểm soát hoặc chịu trách nhiệm lãnh đạo ai/ điều gì	10/721	721/1.045 = 69%	Lãnh đạo, chỉ đạo	Hướng dẫn cụ thể, đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức, động viên thực hiện	111/428	428/1406 = 30,4%
	Lead	Chỉ đạo hoặc hướng dẫn ai đó đi đúng hướng	2/721					
	Suggest	Đưa ra ý tưởng hoặc kế hoạch để người khác xem xét hoặc cân nhắc	2/721		Đề nghị	Đưa ra ý kiến về một việc gì đó nên làm để thảo luận, để xét	89/428	
	Should	Khuyến nghị mang tính đạo đức, đánh giá chuẩn mực	21/721		Nên	Biểu thị hành động, việc đang nói đến là hay, có lợi, làm hoặc thực hiện được thì hay	9/428	
	Will	Cam kết hoặc sẵn sàng hành động	503/721		Sẽ	Sử dụng để trình bày kế hoạch, dự báo hoặc cam kết về sự việc, hiện tượng xảy ra trong tương lai	193/428	
	Would	Mong muốn mang tính giả định, lịch sự	99/721					
	Câu điều kiện	Diễn đạt một nghĩa vụ trong điều kiện giả định hoặc đưa ra đề nghị	84/721		Câu điều kiện	Diễn đạt một sự việc sẽ xảy ra khi có một điều kiện cụ thể xảy ra	26/428	
Thấp	-	-	-	7/1.045 = 0,7%	Kiến nghị, đề xuất	Nêu ra, đưa ra ý kiến về một việc chung với cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết	38/73	73/1.406 = 5,2%
	Would like, would love	Mong muốn chủ quan của cá nhân	7		Mong muốn	Muốn và hi vọng có được, đạt được	35/73	

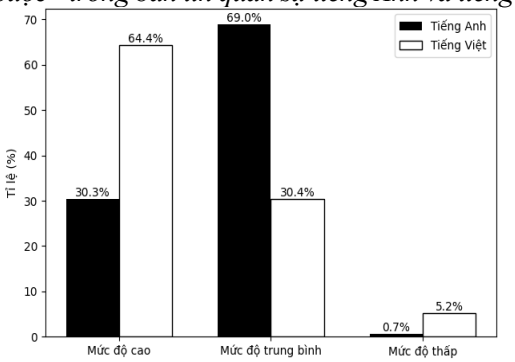
4.2. Những điểm khác biệt về thang mức độ biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt

Bên cạnh những điểm tương đồng, bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt cũng cho thấy những khác biệt trong việc sử dụng các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc". Những khác biệt này thể hiện không chỉ ở sự phân bố của các phương tiện theo từng mức độ biểu đạt mà còn ở cách thức kiến tạo và truyền tải nghĩa vụ trong diễn ngôn quân sự. Những khác biệt này sẽ được phân tích ở cả ba mức độ biểu đạt: cao, trung bình và thấp.

Kết quả thống kê ở Biểu đồ 1 cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong phân bố các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" giữa bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt. Trong tiếng Anh, các phương tiện biểu đạt ở mức độ trung bình chiếm ưu thế với khoảng 69%, trong khi các phương tiện ở mức độ cao xuất hiện với tần suất thấp hơn. Ngược lại, bản tin quân sự tiếng Việt chủ yếu sử dụng các phương tiện biểu đạt ở mức độ cao, chiếm tới 64,4%. Các phương tiện biểu đạt ở mức độ thấp đều xuất hiện khá hạn chế trong cả hai ngôn ngữ, chỉ chiếm khoảng 0,7% trong tiếng Anh và 5,2% trong tiếng Việt.

Xét từ góc độ nghĩa học và dụng học, sự khác biệt này phản ánh hai xu hướng biểu đạt nghĩa vụ trong diễn ngôn quân sự. Bản tin quân sự tiếng Anh chủ yếu sử dụng các phương tiện tình thái đạo nghĩa ở mức độ trung bình, qua đó điều tiết sắc thái áp đặt và tạo tính linh hoạt trong giao tiếp. Ngược lại, bản tin quân sự tiếng Việt ưu tiên các phương tiện ở mức độ cao nhằm nhấn mạnh tính mệnh lệnh, kỉ luật và yêu cầu chấp hành. Điều này cho thấy, trong khi diễn ngôn quân sự tiếng Anh có xu hướng điều tiết lực "bắt buộc", diễn ngôn quân sự tiếng Việt thiên về khẳng định trực tiếp hiệu lực của nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện.

Biểu đồ 1. *Đối chiếu thang mức độ biểu đạt của các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt*



4.2.1. Đối với mức độ "bắt buộc" cao

Ở mức độ "bắt buộc" cao, các phương tiện biểu đạt trong bản tin quân sự tiếng Anh xuất hiện 317/1.045 trường hợp (chiếm 30,3%). Tuy nhiên, mức độ "bắt buộc" cao không đồng nhất với việc sử dụng mệnh lệnh trực tiếp. Thực tế, câu mệnh lệnh chỉ xuất hiện 14/317 trường hợp và động từ ra lệnh "order" chỉ xuất hiện một lần. Thay vào đó, nghĩa vụ mang tính "bắt buộc" tuyệt đối chủ yếu được biểu đạt thông qua các phương tiện như "need" (125/317 trường hợp), "have to" (46/317 trường hợp), "require" (41/317 trường hợp), "must" (39/317 trường hợp) và "necessary" (14/317 trường hợp). Việc ưu tiên các phương tiện này cho thấy xu hướng khách quan hóa nghĩa vụ, trong đó hành động được trình bày như một yêu cầu tất yếu của hoàn cảnh, nhiệm vụ hoặc tiêu chuẩn thực hiện hơn là một mệnh lệnh trực tiếp từ chủ thể phát ngôn.

VD7: Personnel must complete their basic military training before starting their healthcare assistant training at the Defence Medical Services, Whittington in Lichfield.

(Nhân viên phải hoàn thành khóa huấn luyện quân sự cơ bản trước khi bắt đầu khóa đào tạo hỗ trợ y tế tại các Cơ sở Y tế Quốc phòng tại Whittington ở Lichfield.)

VD8: He said it had enabled military dentists to move forward from the Role 2, to deliver essential dental care necessary to intercept potential emergencies and prevent lost duty time, preserving fighting strength.

(Ông cho biết điều này đã tạo điều kiện để các nha sĩ quân đội triển khai từ cấp độ 2, cung cấp dịch vụ chăm sóc nha khoa thiết yếu, cần thiết nhằm kịp thời can thiệp các tình huống khẩn cấp tiềm ẩn và ngăn ngừa việc mất thời gian thực hiện nhiệm vụ, qua đó duy trì sức mạnh chiến đấu.)

Ngược lại, trong bản tin quân sự tiếng Việt, các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" ở mức độ cao chiếm tới 905/1406 trường hợp (64,4%), cao hơn gấp hai lần so với tiếng Anh. Khác với tiếng Anh, nghĩa vụ mang tính bắt buộc thường được biểu đạt trực tiếp thông qua câu mệnh lệnh (303/905 trường hợp) và các phương tiện tình thái như "yêu cầu" (178/905 trường hợp), "cần" (160/905 trường hợp), "phải" (145/905 trường hợp).

VD9: Vì vậy, các cơ quan, đơn vị cần phải nghiên cứu, đề xuất phương án phù hợp, sát thực tế.

VD10: Chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành, tập bài dã ngoại. Tăng cường bồi dưỡng toàn diện đội ngũ cán bộ, giảng viên đạt chuẩn theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng, nhất là trình độ ngoại ngữ, tin học.

Đặc biệt, động từ "quán triệt" xuất hiện với tần suất tương đối cao (65/905 trường hợp) trong bản tin quân sự tiếng Việt và được sử dụng để nhấn mạnh yêu cầu thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết hoặc nhiệm vụ đã được giao. Mặc dù về nghĩa từ vựng, "quán triệt" chủ yếu biểu thị hoạt động nhận

thức và tiếp thu đầy đủ nội dung chỉ đạo, nhưng trong diễn ngôn quân sự, động từ này thường hàm chứa yêu cầu phải chấp hành và triển khai thực hiện những nội dung đó trong thực tiễn. Vì vậy, giá trị tình thái của "quán triệt" không nằm ở bản thân nghĩa từ vựng mà được hình thành thông qua bối cảnh thể chế quân sự, khiến nó trở thành một phương tiện biểu đạt nghĩa vụ mang tính đặc thù của bản tin quân sự tiếng Việt và không tìm thấy phương tiện tương đương hoàn toàn trong ngữ liệu bản tin quân sự tiếng Anh.

VD11: Đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng yêu cầu các cơ quan, đơn vị trong toàn quân giáo dục, quán triệt chỉ thị, kế hoạch của trên về tổ chức phong trào "Tết trồng cây".

Việc ưu tiên các phương tiện này cho thấy nghĩa vụ trong bản tin quân sự tiếng Việt thường được thể hiện dưới dạng yêu cầu trực tiếp, gắn với trách nhiệm chấp hành và tính kỉ luật của tổ chức quân đội. Điều đó phản ánh đặc trưng của môi trường quân sự có tính thứ bậc cao, nơi nghĩa vụ không chỉ được hiểu là yêu cầu thực hiện hành động mà còn là chuẩn mực bắt buộc phải tuân thủ. Trong bối cảnh đó, ngôn ngữ trở thành phương tiện quan trọng để khẳng định và duy trì hiệu lực của trật tự tổ chức.

4.2.2. Đối với mức độ "bắt buộc" trung bình

Ở mức độ "bắt buộc" trung bình, bản tin quân sự tiếng Anh cho thấy xu hướng sử dụng áp đảo, với 721/1045 trường hợp, chiếm khoảng 69% tổng số phương tiện tình thái đạo nghĩa "bắt buộc". Trong đó, các động từ tình thái "will" và "would" chiếm tới 612/721 trường hợp, cho thấy xu hướng biểu đạt nghĩa vụ thông qua cam kết hành động trong tương lai thay vì mệnh lệnh trực tiếp.

Mặc dù "will" và "would" (dạng quá khứ của "will") thường được xem là phương tiện biểu đạt thời gian tương lai, nhưng trong bản tin quân sự, nhiều trường hợp "will/would" không chỉ thông báo một hành động sẽ diễn ra mà còn thể hiện cam kết thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm hoặc hành động mang tính thể chế của cá nhân, đơn vị và tổ chức quân sự. Xét về mặt dụng học, các phát ngôn chứa "will/would" tạo ra sự ràng buộc nhất định đối với việc thực hiện hành động trong tương lai, qua đó mang sắc thái nghĩa vụ và định hướng hành động. Tuy nhiên, mức độ ràng buộc này không mạnh như các phương tiện biểu đạt nghĩa vụ trực tiếp như "must", "have to" hay "require". Vì vậy, trong nghiên cứu này, "will/would" được xếp vào nhóm phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" ở mức độ trung bình.

VD12: DACES will not share the results of the survey with a Soldier's chain of command or personnel manager, allowing Soldiers to share information candidly.

(DACES sẽ không chia sẻ kết quả khảo sát với hệ thống chỉ huy trực tiếp hoặc cán bộ quản lí nhân sự của quân nhân, qua đó tạo điều kiện để quân nhân có thể chia sẻ thông tin một cách thẳng thắn.)

VD13: Mulligan said the next step for his Soldiers would be installing the parts that were ordered.

(Mulligan nói rằng các binh sĩ sẽ tiến hành lắp đặt những bộ phận đã được đặt hàng ở bước tiếp theo.)

Ngược lại, trong bản tin quân sự tiếng Việt, các phương tiện biểu đạt nghĩa vụ ở mức độ "bắt buộc" trung bình chỉ chiếm 428/1.406 trường hợp (chiếm 30,4%), thấp hơn đáng kể so với tiếng Anh. Mặc dù "sẽ" vẫn là phương tiện xuất hiện nhiều nhất trong nhóm này (193/428 trường hợp), nhưng không chiếm ưu thế tuyệt đối như "will" trong bản tin quân sự tiếng Anh. Bên cạnh đó, các động từ như "lãnh đạo, chỉ đạo" (111/428 trường hợp) và "đề nghị" (89/428 trường hợp) xuất hiện với tần suất đáng kể, cho thấy nghĩa vụ ở mức độ trung bình trong tiếng Việt thường gắn với hoạt động tổ chức, điều hành và định hướng hành động của chủ thể có thẩm quyền.

VD14: Đại tướng Ngô Xuân Lịch tin tưởng, với quyết tâm chính trị cao, sự chủ động, nghiêm túc trong quá trình chuẩn bị, quyết liệt trong chỉ đạo, triển khai thực hiện của cấp ủy đảng, người chỉ huy các cấp, sự nỗ lực cố gắng của cán bộ, chiến sĩ toàn quân; quân đội sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19.

VD15: Theo thông tin từ chỉ huy Tổng cục Hậu cần, thực hiện Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, đến nay, Tổng cục Hậu cần đã chỉ đạo các đơn vị toàn quân chủ động làm tốt công tác bảo đảm các mặt hậu cần cho đón nhận, huấn luyện chiến sĩ mới năm 2024.

Như vậy, khác với tiếng Anh, nơi nghĩa vụ ở mức độ trung bình chủ yếu được biểu đạt dưới dạng cam kết thực hiện hành động trong tương lai, các phương tiện tương ứng trong tiếng Việt vẫn duy trì mối liên hệ chặt chẽ với quan hệ quyền lực và chức năng chỉ đạo. Vì vậy, ranh giới giữa mức độ "bắt buộc" trung bình

và mức độ cao trong tiếng Việt thường không hoàn toàn tách biệt, khiến các phát ngôn mang tính đề nghị hoặc định hướng vẫn có thể hàm chứa lực "bắt buộc" đáng kể trong những bối cảnh giao tiếp nhất định.

4.2.3. Đối với mức độ "bắt buộc" thấp

Ở mức độ "bắt buộc" thấp, các phương tiện biểu đạt xuất hiện với tần suất rất hạn chế trong cả bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt. Tuy nhiên, tỉ lệ này trong tiếng Anh chỉ chiếm khoảng 0,7%, thấp hơn đáng kể so với tiếng Việt (5,2%).

Trong tiếng Anh, các phương tiện như "would like" và "would love" (7/1045 trường hợp) chủ yếu được sử dụng để biểu đạt mong muốn hoặc nguyện vọng của chủ thể phát ngôn, không trực tiếp áp đặt nghĩa vụ đối với đối tượng tiếp nhận như "must, have to" hay "require".

VD16: I'd also like to become a platoon commander at Sandhurst as I really enjoyed my time there and feel it would be a fantastic opportunity to help develop future officers.

(Tôi cũng mong muốn được trở thành trung đội trưởng tại Sandhurst, bởi tôi thực sự rất yêu thích quãng thời gian công tác tại đây và cho rằng đó sẽ là một cơ hội tuyệt vời để góp phần đào tạo, phát triển các sĩ quan trong tương lai.)

Trong khi đó, bản tin quân sự tiếng Việt sử dụng các phương tiện như "kiến nghị, đề xuất" (38/73 trường hợp) và "mong muốn" (35/73 trường hợp), chủ yếu xuất hiện trong bối cảnh hội nghị, thảo luận hoặc phản ánh ý kiến từ cơ sở. Khác với tiếng Anh, nơi các phương tiện ở mức độ thấp chủ yếu biểu đạt mong muốn cá nhân và hầu như không tạo ra sự ràng buộc đối với người tiếp nhận, các phương tiện tương ứng trong tiếng Việt vẫn có khả năng định hướng hành động nhất định, đặc biệt khi được sử dụng bởi những chủ thể có vị thế hoặc thẩm quyền trong tổ chức. Điều này cho thấy các phương tiện biểu đạt ở mức độ thấp trong tiếng Việt chưa tách biệt hoàn toàn khỏi phạm vi nghĩa vụ mà có xu hướng tiệm cận mức độ "bắt buộc" trung bình. Vì vậy, ranh giới giữa mong muốn, đề xuất và yêu cầu trong diễn ngôn quân sự tiếng Việt thường linh hoạt hơn so với tiếng Anh.

VD17: Đánh giá cao những đóng góp của các cơ quan thông tấn, báo chí, đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa mong muốn trong thời gian tới, những nội dung, thời lượng tuyên truyền về thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc sẽ được ưu tiên tăng cường, đưa thông tin đi vào chiều sâu ở tầm cao hơn và có tính thuyết phục hơn.

VD18: Báo cáo đề dẫn Hội thảo, đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa đề xuất các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội, các đại biểu, các nhà khoa học bằng quan điểm, phương pháp luận khoa học cùng với tầm nhìn, tư duy đổi mới, sáng tạo và thực tiễn phong phú, tập trung làm sâu sắc và sáng tỏ nhiều vấn đề về lịch sử, truyền thống vẻ vang và luận giải rõ những cơ sở khoa học để khẳng định: Tổng cục Chính trị trong 80 năm qua luôn "vững bước dưới cờ Đảng".

Tóm lại, sự khác biệt về phân bố các mức độ biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" cho thấy bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt có những cách thức tổ chức nghĩa vụ khác nhau. Trong khi tiếng Anh có xu hướng biểu đạt nghĩa vụ theo hướng khách quan hóa và định hướng hành động, tiếng Việt thường nhấn mạnh tính chỉ đạo, trách nhiệm và yêu cầu chấp hành. Sự khác biệt này phản ánh đặc trưng diễn ngôn quân sự của mỗi ngôn ngữ cũng như cách thức vận dụng các phương tiện tình thái để thực hiện chức năng giao tiếp trong môi trường quân sự.

5. Kết luận

Trên cơ sở khảo sát 225 bản tin quân sự tiếng Anh và 225 bản tin quân sự tiếng Việt, nghiên cứu đã nhận diện, hệ thống hóa và đối chiếu các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong hai ngôn ngữ. Kết quả cho thấy các phương tiện biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong bản tin quân sự tiếng Anh và tiếng Việt đều được tổ chức theo ba mức độ cơ bản: cao, trung bình và thấp. Tuy nhiên, giữa hai ngôn ngữ tồn tại sự khác biệt đáng kể về xu hướng lựa chọn phương tiện biểu đạt. Trong khi bản tin quân sự tiếng Anh chủ yếu sử dụng các phương tiện ở mức độ trung bình nhằm khách quan hóa nghĩa vụ và giảm sắc thái áp đặt trực tiếp, bản tin quân sự tiếng Việt lại ưu tiên các phương tiện ở mức độ cao để nhấn mạnh tính mệnh lệnh, tính kỉ luật và yêu cầu chấp hành trong môi trường quân sự.

Kết quả của nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ đặc điểm biểu đạt tình thái đạo nghĩa "bắt buộc" trong diễn ngôn quân sự, đồng thời phản ánh những khác biệt về cách thức kiến tạo và biểu hiện nghĩa vụ giữa tiếng

Anh và tiếng Việt. Nghiên cứu cũng có ý nghĩa tham khảo đối với hoạt động dịch thuật, giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành quân sự và nghiên cứu diễn ngôn quân sự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (1982), "Ngữ nghĩa học hệ thống và ngữ nghĩa học hoạt động". Tạp chí *Ngôn ngữ* 1: 12-26.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng (tái bản lần thứ 3)*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
3. Nguyễn Văn Hiệp (2023), *Lịch sử nghiên cứu tình thái trong tiếng Việt*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Những khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại: Lí thuyết và ứng dụng, Trường Ngoại ngữ-Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Hà Nội.
4. Hoàng Phê (2003), *Logic - ngôn ngữ học (In lần thứ 2)*. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng.
5. Hoàng Tuệ (1988), "Về khái niệm tình thái". Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 1: TV1-TV5.

Tiếng Anh

6. Bybee, J., Perkins, R. & Pagliuca, W. (1994), *The Evolution of Grammar: Tense, Aspect and Modality in the Languages of the World*. Chicago: University of Chicago Press.
7. Eggins, S. (1994), *An Introduction to Systemic Functional Linguistics*. London: Pinter.
8. de Haan, F. (2006), *Typological Approaches to Modality*, in Frawley, W. (ed.), The Expression of Modality. Berlin: Mouton de Gruyter.
9. Halliday, M.A.K. (1994), *An Introduction to Functional Grammar*. London: Edward Arnold.
10. Kant, I. (1781, tái bản 1998), *Critique of Pure Reason*. Cambridge: Cambridge University Press.
11. Lyons, J. (1977), *Semantics (2 vols.)*. Cambridge: Cambridge University Press.
12. Palmer, F.R. (1979), *Modality and the English Modals*. London: Longman.
13. Palmer F. R. (1986) *Mood and modality*. London: Cambridge University Press. (Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Khánh Hà, Phan Trang dịch (2019), *Thức và tình thái*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội).
14. Suhadi, J. (2011), Epistemic Modality and Deontic Modality: Two Sides of a Coin. *JULISA*, 11(2): 156-179.
15. Wright, G.H. (1951), Deontic Logic. *Mind*, LX (237): 1-15.

Degrees of expression of "obligatory" deontic modality in English and Vietnamese military news reports

Abstract: This study investigates and compares the degrees of expression of "obligatory" deontic modality in English and Vietnamese military news reports, basing on the theoretical frameworks of modality and deontic modality proposed by Lyons (1977), Palmer (1986), Halliday (1994), Eggins (1994), and related studies. The corpus consists of 225 English military news reports and 225 Vietnamese military news reports collected from the official websites of the armed forces of the United Kingdom, the United States, Australia, and the Vietnam People's Army between 2020 and 2024. The study uses descriptive, contrastive, and quantitative methods, with data processed using AntConc and Microsoft Excel. The findings reveal that "obligatory" deontic modality in both languages is realized through three degrees of expression: high, medium, and low. However, English military news reports tend to favor medium-level of obligation to enhance objectivity and mitigate impositive force, whereas Vietnamese military news reports predominantly employ high-level of obligation to emphasize command, discipline, and compliance. These findings contribute to a better understanding of the expression of "obligatory" deontic modality in military discourse and provide useful insights for military translation and military English teaching.

Key words: Degrees of expression; deontic modality; military news reports; obligatory; English-Vietnamese contrastive analysis.